

Số: /TTr-QLXLPVPHC&TDTHPL

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Kính gửi: Bộ trưởng Lê Thành Long

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14 ngày 18/6/2020), Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

Theo quy định tại điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 17 Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật số 67/2020/QH14) thì Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong đó có nhiệm vụ: “*Theo dõi chung và báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thống kê, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính*” và “*quy định chế độ báo cáo, biểu mẫu thống kê số liệu trong xử lý vi phạm hành chính*”.

Ngày 23/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022, trong đó giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. So với Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), một số quy định liên quan đến nội dung (các thông tin, số liệu cần thu thập) của Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (khoản 2, khoản 3 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP), thời gian chốt số liệu báo cáo (khoản 4 Điều 35 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP); trách nhiệm và thời hạn gửi báo cáo (Điều 36, Điều 39 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP) đã có sự thay đổi.

Ngày 21/6/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BTP hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Theo đó, Thông tư này bãi bỏ khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/ 2018 quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua 03 năm triển khai thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật (Thông tư số 16/2018/TT-BTP) đã cho thấy tính hiệu quả của hoạt động báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BTP cũng đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập gây khó khăn cho việc tổng hợp số liệu và báo cáo, chẳng hạn như:

Quy định về thời điểm lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP) và Thông tư số 16/2018/TT-BTP không thống nhất với nhau, do đó, gây khó khăn khi thực hiện báo cáo, cụ thể:

+ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “*Thời điểm lấy số liệu... đối với báo cáo hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm*” chưa thống nhất với Nghị định số 09/2019/NĐ-CP: “*Báo cáo định kỳ hằng năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo*” dẫn đến việc áp dụng tại các bộ, ngành, địa phương trong việc báo cáo công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính chưa được thống nhất.

+ Tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “*Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì tổng hợp cả số liệu của các đơn vị trực thuộc gửi Bộ Tư pháp... trước ngày 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm*”. Tuy nhiên, tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP quy định:

“1. *Thời hạn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là bộ, cơ quan, địa phương) gửi báo cáo định kỳ cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo, trừ trường hợp có quy định khác theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.*

2. *Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khoản*

l Điều này và các yêu cầu cụ thể về thông tin báo cáo, đối tượng báo cáo để quy định thời hạn gửi báo cáo phù hợp khi ban hành chế độ báo cáo định kỳ”. Hiện nay, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện báo cáo theo quy định nào, dẫn đến địa phương vẫn còn lúng túng trong tổng hợp báo cáo ngành cấp trên.

Từ các lý do nêu trên, việc nghiên cứu, soạn thảo và ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, thay thế Thông tư số 16/2018/TT-BTP là hết sức cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

- Việc xây dựng Thông tư nhằm thực hiện trách nhiệm của Bộ Tư pháp theo quy định tại điểm đ khoản 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và khoản 9 Điều 36 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP về việc quy định chế độ báo cáo, biểu mẫu thống kê số liệu trong xử lý vi phạm hành chính.

- Tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, minh bạch, thực hiện đơn giản hóa chế độ báo cáo và nội dung báo cáo, tạo thuận lợi cho việc báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành Thông tư số 16/2018/TT-BTP; đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng Thông tư

2.1. Bám sát, bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, kịp thời giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng Thông tư số 16/2018/TT-BTP.

2.2. Sửa đổi mẫu Đề cương Báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo theo hướng đơn giản hóa các biểu mẫu, lược bỏ những chỉ tiêu báo cáo trùng lặp, không cần thiết. Tuy nhiên, vẫn phải đảm bảo yêu cầu cung cấp đầy đủ thông tin phù hợp với thực tế, bảo đảm tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý thống nhất, hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Để xây dựng dự thảo Thông tư, Bộ Tư pháp đã thực hiện các công việc như sau:

1. Thành lập Tổ soạn thảo Thông tư (theo Quyết định số 169/QĐ-BTP ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).

2. Rà soát các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ

sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức các cuộc họp với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, Sở Tư pháp, các đơn vị thuộc Bộ và các chuyên gia để thảo luận, góp ý cho dự thảo Thông tư.

4. Lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan về dự thảo Thông tư.

5. Đăng tải dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Tổng hợp ý kiến góp ý, tiếp thu chỉnh lý dự thảo Thông tư và các tài liệu có liên quan cũng như giải trình đối với các ý kiến góp ý chưa phù hợp.

7. Tổ chức họp báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng phụ trách về nội dung dự thảo Thông tư sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương.

8. Gửi dự thảo Thông tư đến Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật để tổ chức thẩm định (Công văn số/QLXLVPHC&TDTHPL-XLHC ngày .../...../2022).

9. Ngày .../.../2022, Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật đã tổ chức cuộc họp tư vấn thẩm định đối với dự thảo Thông tư và ngày .../.../2022 đã phát hành Báo cáo thẩm định số .../BC-VĐCXDPL đối với dự thảo Thông tư.

Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tư vấn thẩm định và hoàn chỉnh dự thảo Thông tư (có Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục

Dự thảo Thông tư gồm 08 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Mẫu Đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo
- Điều 3. Kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo
- Điều 4. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo
- Điều 5. Nội dung báo cáo
- Điều 6. Chính lý, bổ sung báo cáo
- Điều 7. Hiệu lực thi hành
- Điều 8. Trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư

2.1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

Về phạm vi điều chỉnh, Thông tư này quy định chi tiết về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo; kỳ báo cáo, thời gian lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo; hình thức và phương thức gửi báo cáo; nội dung báo cáo và việc chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo.

Chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, gồm: Công an nhân dân; Bộ đội biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Kiểm ngư; Thuế; Quản lý thị trường; Cơ quan thi hành án dân sự; Kho bạc Nhà nước; Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước; tổ chức Thống kê tập trung; Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện và các tổ chức khác thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc theo quy định của pháp luật.

2.2. Về mẫu Đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo (Điều 2)

Nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đơn giản hóa các biểu mẫu, Điều 2 dự thảo Thông tư quy định về mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hướng lược bỏ những chỉ tiêu báo cáo trùng lặp, không cần thiết, rút gọn tối đa các thông tin trong mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu tổng hợp số liệu báo cáo, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật, giảm bớt gánh nặng hành chính cho cơ quan lập báo cáo. Theo đó, ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục về Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu sử dụng để tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gồm: Mẫu số 1 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính; Mẫu số 2 là Bảng tổng hợp số liệu báo cáo về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

2.3. Về kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo (Điều 3)

Điều 3 dự thảo Thông tư quy định về kỳ báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo. Theo đó, kỳ báo cáo được thực hiện định kỳ hằng năm. Thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP). Đồng thời, Thông tư quy định cụ thể thời hạn gửi báo cáo của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về Bộ

Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

2.4. Về hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo (Điều 4)

Điều 4 dự thảo Thông tư quy định cụ thể về hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo, theo đó:

(i) *Về hình thức báo cáo:* Dự thảo Thông tư quy định đa dạng hình thức báo cáo. Cùng với việc sử dụng hình thức báo cáo truyền thống bằng văn bản giấy, Thông tư còn quy định sử dụng hình thức báo cáo bằng văn bản điện tử có chữ ký số để phù hợp với chủ trương sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử của cơ quan nhà nước.

(ii) *Về phương thức gửi, nhận báo cáo:* Để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan lập báo cáo, dự thảo Thông tư quy định tương đối đa dạng và linh hoạt các phương thức gửi báo cáo đến cơ quan nhận báo cáo, phù hợp với điều kiện thực tế về các loại hình dịch vụ và phương thức giao nhận giấy tờ, tài liệu. Theo đó, khoản 2 Điều 4 dự thảo Thông tư quy định 05 phương thức gửi, nhận báo cáo, cụ thể là: (1) Gửi trực tiếp; (2) Gửi qua dịch vụ bưu chính; (3) Gửi qua fax; (4) Gửi qua hệ thống thư điện tử dưới dạng tệp ảnh (định dạng PDF) hoặc văn bản điện tử có ký số; (5) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2.5. Về nội dung báo cáo (Điều 5)

Dự thảo Thông tư quy định cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực, chính xác các nội dung trong Mẫu Đề cương báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo quy định tại Điều 2 của Thông tư này. Đồng thời, quy định trách nhiệm tổng hợp, báo cáo của các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

2.6. Về việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo (Điều 6)

Điều 6 dự thảo Thông tư quy định về việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo trong trường hợp có sai sót. Theo đó, trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung và phải có chữ ký xác nhận, đóng dấu. Trường hợp tự ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung báo cáo, số liệu trong báo cáo và các biểu mẫu số liệu báo cáo kèm theo thì báo cáo, biểu mẫu đó không có giá trị báo cáo.

2.7. Về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành (Điều 7 và Điều 8)

Để bảo đảm kịp thời triển khai áp dụng trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2022, Điều 7 Thông tư quy định về hiệu lực thi hành, theo đó, Thông tư này dự kiến có hiệu lực kể từ

ngày.../.../2022, thay thế Thông tư số 16/2018/TT-BTP.

Về trách nhiệm thi hành, dự thảo Thông tư quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng báo cáo, kịp thời tổng hợp để gửi Bộ Tư pháp theo đúng nội dung, thời hạn quy định tại Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp (qua Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật xin kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Báo cáo thẩm định; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Thông tư).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đặng Hoàng Oanh (đề b/c);
- Vụ Các VĐCXDPL, Cục KTVBQPPL (đề p/h);
- Lưu: VT, Phòng QLXLVPHC (03b).

CỤC TRƯỞNG

Đặng Thanh Sơn